Mỡ

BP Energrease LS, LS-EP
BP Energrease HTG 2
BP Energrease SY 2202

BP cung ứng dãy sản phẩm mỡ bôi trơn đa dạng, giúp khách hàng lựa chọn loại mỡ phù hợp nhất cho các ứng dụng khác nhau, tùy theo loại ổ đỡ, điều kiện hoạt động (tốc độ, tải trọng, nhiệt độ và môi trường vận hành), cũng như phương pháp bôi trơn.

BP Energrease LS, LS-EP

Mỡ công nghiệp đa dụng

BP Energrease LS và Energrease LS-EP là các loại mỡ gốc lithium chất lượng hảo hạng có tính kháng nước và đa dụng.

Mỡ BP Energrease LS chứa các chất phụ gia chống mài mòn, chống ô-xy hóa và chống ăn mòn, giúp mỡ sử dụng được lâu dài và bảo vệ rất tốt các bề mặt kim loại đen.

Mỡ BP Energrease LS-EP còn có các phụ gia cực áp không chì, được dùng để bôi trơn những bề mặt chịu tải nặng và tải trọng va đập.

Các loại mỡ này dùng để bôi trơn tất cả các loại ổ trượt và ổ lăn trong mọi loại máy móc - bao gồm động cơ điện, máy công cụ, máy móc trong công nghiệp dệt, làm giấy, gia công gỗ và máy xây dựng - có nhiệt độ làm việc nằm trong khoảng - 30^0C đến 130^0C.

Lợi ích của sản phẩm:
• Thời gian sử dụng lâu.
• Lực ma sát thấp.
• Không bị nước rửa trôi.
• Độ bền cơ học và tính chống rung tốt.
• Khả năng bơm tốt.

Energrease LS & LS - EP	**Phương pháp thử**	**Đơn vị**	LS 2	LS 3	LS-EP 1	LS-EP 2	LS-EP 3
Phân loại NGLI	ASTM 1298		2	3	1	2	3
Độ xuyên kim (60 lần giã ở 25^0C)	ASTM D217	0,1 mm	265/295	220/250	310/340	265/295	220/250
Điểm chảy giọt	ASTM D566	^{0}C	190	190	190	190	190
Tính chống rỉ	IP 220	-	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Thử tải Timken OK Tổn thất trọng lượng	ASTM D2509	lb mg	- -	- -	45 3,3	45 4,3	45 -

BP Energrease HTG 2

Mỡ chịu nhiệt độ cao

BP Energrease HTG 2 là mỡ gốc polime đất sét, có độ bền cơ học cao, chống rung, chống rỉ sét, chịu cực áp và chịu nhiệt cao.

BP Energrease HTG 2 được khuyến cáo sử dụng cho xích tải lò sấy, ổ trục của các goòng trong các lò nung, con trượt, ống dẫn hướng và cho các ổ trượt hoạt động ở nhiệt độ lên đến 200^{0}C trong các ngành công nghiệp thép, xi măng, gạch ngói, gốm sứ và hóa chất.

Ở nhiệt độ và vận tốc thấp hơn, tuổi thọ của mỡ được kéo dài hơn. Ở nhiệt độ trên 180^{0}C cần tra mỡ thường xuyên hơn và khi sử dụng cần thiết lập thời hạn thay mỡ thích hợp nhất đối với từng loại thiết bị và điều kiện làm việc.

Lợi ích của sản phẩm:
• Tính chịu nhiệt cao.
• Tính chịu áp suất cao.
• Không bị nước rửa trôi.
• Chống ăn mòn.
• Bền cơ học.
• Chống rung.

Energrease HTG 2	Phương pháp thử	Đơn vị	Trị số tiêu biểu
Chất làm đặc			Sét/polime
Phân loại NLGI			2
Kết cấu			Mềm
Màu sắc			Nâu nhạt
Điểm chảy giọt	ASTM D566	^{0}C	Không chảy
Độ xuyên kim (60 lần giã ở 25^{0}C)	ASTM D217	0,1 mm	275

BP Energrease SY 2202
Mỡ tổng hợp tính năng cao

BP Energrease SY 2202 là mỡ lithium phức với thành phần dầu gốc tổng hợp toàn phần, có công thức đặc chế với các phụ gia chống ô-xy hóa, chống ăn mòn và phụ gia chịu cực áp chống mài mòn.

Đây là loại mỡ đặc biệt phù hợp cho các ổ bi hoạt động trong điều kiện sử dụng khắc nghiệt. Phạm vi nhiệt độ hoạt động từ -40°C đến 180°C.

Lợi ích của sản phẩm:
• Giảm thời gian dừng máy và chi phí bảo dưỡng do giảm mài mòn, ăn mòn.
• Khả năng chịu nhiệt, chịu tải cao và độ ổn định cơ học tuyệt hảo.

Energrease SY 2202	Phương pháp thử	Đơn vị	Trị số tiêu biểu
Phân loại NLGI			2
Chất làm đặc			Lithium phức
Độ xuyên kim ở 25 ^{o}C, giã 60 lần	ASTM D217	0.1 mm	265/295
Màu			Màu be
Nhiệt độ chảy giọt	ASTM D566	^{o}C	> 260
Độ nhớt của dầu gốc ở 40^{0}C	ASTM D445	cSt	220
Phạm vi nhiệt độ làm việc		^{o}C	-40^{0}C / +180^{0}C

Trên đây là những thông số kỹ thuật tiêu biểu của sản phẩm với sai số thông thường được chấp nhận trong sản xuất và không phải là qui cách.